NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HĐ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC LOẠI C NHNN NĂM 2023

KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 1 VÀ LỊCH PHỎNG VẤN VÒNG 2 KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG NĂM 2023

Vị trí Chuyên viên Thanh tra, giám sát ngân hàng

Ghi chú:

Số câu hỏi phần thi Kiến thức chung là 60 câu; Số câu hỏi phần thi Tiếng Anh là 30 câu. Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi nói trên, thí sinh nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi tại Vòng 1 được thi tiếp Vòng 2. Theo đó, thí sinh có số câu trả lời đúng từ 30 câu trở lên đối với phần thi Kiến thức chung và từ 15 câu trở lên đối với phần thi Tiếng Anh sẽ tiếp tục dự thi Vòng 2 - Phỏng vấn

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
		Bàn phỏng vấn 2 - Ca thi 4 từ 13h00 - 14h30 ngày 24/11/2023							
1	TTGS1001	Hoàng Thùy	An		15-07-1999	CV TTGSNH	41/60	27/30	Đạt
2	TTGS1003	Bùi Mai	Anh		22-06-1999	CV TTGSNH	32/60	30/30	Đạt
3	TTGS1006	Đặng Thị Phương	Anh		26-06-2000	CV TTGSNH	31/60	27/30	Đạt
4	TTGS1007	Đặng Thị Vân	Anh		25-11-2000	CV TTGSNH	45/60	22/30	Đạt
5	TTGS1008	Đào Đức	Anh	28-02-1994		CV TTGSNH	36/60	Miễn	Đạt
6	TTGS1011	Đoàn Tuấn	Anh	20-03-2001		CV TTGSNH	41/60	21/30	Đạt
7	TTGS1014	Hoàng Minh	Anh	16-09-1997		CV TTGSNH	36/60	18/30	Đạt
8	TTGS1015	Hoàng Thị Lan	Anh		01-08-1998	CV TTGSNH	39/60	24/30	Đạt
9	TTGS1016	Lê Ngọc	Anh		29-08-1996	CV TTGSNH	41/60	27/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 2 - Ca thi 5 từ 14h30 - 16h00 ngày 24/11/2023							
10	TTGS1017	Lê Phương	Anh		20-04-1992	CV TTGSNH	49/60	24/30	Đạt
11	TTGS1019	Lê Quang	Anh	23-05-2000		CV TTGSNH	33/60	27/30	Đạt
12	TTGS1020	Lê Quỳnh	Anh		12-05-2001	CV TTGSNH	36/60	27/30	Đạt
13	TTGS1022	Lê Thị Ngọc	Anh		16-06-1994	CV TTGSNH	36/60	Miễn	Đạt
14	TTGS1023	Mai Đỗ Việt	Anh	28-12-2001		CV TTGSNH	40/60	27/30	Đạt
15	TTGS1024	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh		04-06-1992	CV TTGSNH	33/60	Miễn	Đạt
16	TTGS1025	Ngô Thị Phương	Anh		03-02-1996	CV TTGSNH	38/60	27/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
17	TTGS1027	Nguyễn Hải	Anh		26-07-2000	CV TTGSNH	31/60	24/30	Đạt
18	TTGS1028	Nguyễn Hoàng	Anh		24-01-1999	CV TTGSNH	37/60	27/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 2 - Ca thi 6 từ 16h00 - 17h30 ngày 24/11/2023							
19	TTGS1029	Nguyễn Hồng	Anh		25-07-2001	CV TTGSNH	40/60	29/30	Đạt
20	TTGS1031	Nguyễn Hữu Đức	Anh	28-07-2001		CV TTGSNH	30/60	25/30	Đạt
21	TTGS1032	Nguyễn Phương	Anh		04-03-1994	CV TTGSNH	34/60	25/30	Đạt
22	TTGS1033	Nguyễn Thị Lan	Anh		15-08-1997	CV TTGSNH	32/60	21/30	Đạt
23	TTGS1035	Nguyễn Thị Lan	Anh		21-06-1993	CV TTGSNH	45/60	19/30	Đạt
24	TTGS1036	Nguyễn Thị Minh	Anh		06-12-2000	CV TTGSNH	48/60	29/30	Đạt
25	TTGS1038	Nguyễn Thị Phương	Anh		04-04-2001	CV TTGSNH	38/60	19/30	Đạt
26	TTGS1042	Nguyễn Thị Vân	Anh		15-07-1987	CV TTGSNH	42/60	28/30	Đạt
27	TTGS1243	Trần Thị	Hương		13-07-1998	CV TTGSNH	38/60	27/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 1 từ 07h00 - 08h30 ngày 24/11/2023							
28	TTGS1044	Nguyễn Vân	Anh		17-11-1999	CV TTGSNH	32/60	17/30	Đạt
29	TTGS1045	Phạm Diệu	Anh		29-10-2000	CV TTGSNH	36/60	Miễn	Đạt
30	TTGS1046	Phạm Thị Ngọc	Anh		17-09-1995	CV TTGSNH	38/60	24/30	Đạt
31	TTGS1048	Phạm Thị Vân	Anh		04-11-2001	CV TTGSNH	34/60	17/30	Đạt
32	TTGS1050	Phạm Việt Phương	Anh		14-09-1999	CV TTGSNH	43/60	27/30	Đạt
33	TTGS1051	Tạ Duy	Anh	12-10-1999		CV TTGSNH	35/60	Miễn	Đạt
34	TTGS1053	Tô Thị Vân	Anh		17-01-1998	CV TTGSNH	45/60	26/30	Đạt
35	TTGS1054	Trần Thị Kim	Anh		08-01-1993	CV TTGSNH	30/60	24/30	Đạt
36	TTGS1055	Trần Tuấn	Anh	17-10-2001		CV TTGSNH	39/60	26/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 2 từ 08h30 - 10h00 ngày 24/11/2023							
37	TTGS1056	Trịnh Thị Phương	Anh		17-10-2001	CV TTGSNH	40/60	24/30	Đạt
38	TTGS1057	Vũ Bảo Quế	Anh		17-09-2000	CV TTGSNH	30/60	24/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
39	TTGS1058	Vũ Khôi	Anh	23-10-1999		CV TTGSNH	35/60	27/30	Đạt
40	TTGS1059	Vũ Phương	Anh		24-07-2001	CV TTGSNH	44/60	27/30	Đạt
41	TTGS1063	Mai Ngọc	Ánh		04-02-1997	CV TTGSNH	37/60	Miễn	Đạt
42	TTGS1064	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh		20-08-1997	CV TTGSNH	37/60	19/30	Đạt
43	TTGS1066	Phạm Thị Minh	Ánh		18-01-2000	CV TTGSNH	31/60	Miễn	Đạt
44	TTGS1068	Nguyễn Thị	Bích		02-03-2000	CV TTGSNH	40/60	15/30	Đạt
45	TTGS1070	Trần Thanh	Bình	15-09-1998		CV TTGSNH	42/60	25/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 3 từ 10h00 - 11h30 ngày 24/11/2023							
46	TTGS1072	Vũ Thanh	Bình	27-09-1988		CV TTGSNH	34/60	19/30	Đạt
47	TTGS1073	Vũ Minh	Châu	16-12-1999		CV TTGSNH	33/60	27/30	Đạt
48	TTGS1074	Bùi Linh	Chi		29-09-2000	CV TTGSNH	43/60	25/30	Đạt
49	TTGS1077	Phạm Mai	Chi		13-05-2001	CV TTGSNH	34/60	24/30	Đạt
50	TTGS1078	Trần Khánh	Chi		24-03-1998	CV TTGSNH	35/60	18/30	Đạt
51	TTGS1080	Trần Thị Linh	Chi		13-11-1999	CV TTGSNH	36/60	Miễn	Đạt
52	TTGS1083	Hoàng Thị Kiều	Chinh		29-11-1999	CV TTGSNH	41/60	25/30	Đạt
53	TTGS1084	Ngô Lan	Chinh		25-11-1999	CV TTGSNH	37/60	28/30	Đạt
54	TTGS1085	Vũ Việt	Chinh		02-07-1999	CV TTGSNH	39/60	24/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 4 từ 13h00 - 14h30 ngày 24/11/2023							
55	TTGS1088	Đinh Kim	Cương	12-08-1989		CV TTGSNH	34/60	19/30	Đạt
56	TTGS1090	Trịnh Mạnh	Cường	08-02-1997		CV TTGSNH	36/60	21/30	Đạt
57	TTGS1092	Nguyễn Tiến	Danh	03-04-2001		CV TTGSNH	40/60	24/30	Đạt
58	TTGS1093	Lê Quốc	Đạt	29-10-2001		CV TTGSNH	33/60	22/30	Đạt
59	TTGS1094	Lương Tất	Đạt	07-09-1993		CV TTGSNH	41/60	26/30	Đạt
60	TTGS1095	Nguyễn Thành	Đạt	15-09-1999		CV TTGSNH	44/60	25/30	Đạt
61	TTGS1096	Vũ Thành	Đạt	02-08-1996		CV TTGSNH	34/60	Miễn	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
62	TTGS1097	Hoàng Bích	Diệp		07-01-2001	CV TTGSNH	35/60	21/30	Đạt
63	TTGS1098	Hoàng Phương	Diệp		06-10-1984	CV TTGSNH	30/60	26/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 5 từ 14h30 - 16h00 ngày 24/11/2023							
64	TTGS1100	Nguyễn Thị Minh	Diệp		07-10-1995	CV TTGSNH	37/60	26/30	Đạt
65	TTGS1101	Nông Bích	Diệp		20-08-2000	CV TTGSNH	47/60	24/30	Đạt
66	TTGS1102	Bàn Văn	Điệp	08-09-1993		CV TTGSNH	47/60	Miễn	Đạt
67	TTGS1103	Nguyễn Văn	Đinh	23-02-1998		CV TTGSNH	38/60	19/30	Đạt
68	TTGS1104	Phạm Thị	Dịu		27-12-1992	CV TTGSNH	44/60	22/30	Đạt
69	TTGS1105	Dương Khắc	Đông	15-10-1994		CV TTGSNH	38/60	20/30	Đạt
70	TTGS1106	Nguyễn Minh	Đông	09-05-2001		CV TTGSNH	31/60	23/30	Đạt
71	TTGS1109	Hà Minh	Đức	21-10-1998		CV TTGSNH	37/60	Miễn	Đạt
72	TTGS1110	Nguyễn Bá	Đức	12-01-2001		CV TTGSNH	33/60	24/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 6 từ 16h00 - 17h30 ngày 24/11/2023							
73	TTGS1112	Trần Anh	Đức	28-06-1999		CV TTGSNH	34/60	24/30	Đạt
74	TTGS1116	Nguyễn Thị Phương	Dung		22-10-2000	CV TTGSNH	35/60	22/30	Đạt
75	TTGS1117	Trần Phương	Dung		18-12-1998	CV TTGSNH	45/60	29/30	Đạt
76	TTGS1118	Trần Thị Thùy	Dung		07-12-1992	CV TTGSNH	32/60	Miễn	Đạt
77	TTGS1121	Đoàn Quốc	Dũng	14-02-2001		CV TTGSNH	34/60	23/30	Đạt
78	TTGS1123	Nguyễn Xuân Trí	Dũng	16-08-2000		CV TTGSNH	39/60	23/30	Đạt
79	TTGS1124	Trịnh Trung	Dũng	16-11-2001		CV TTGSNH	43/60	24/30	Đạt
80	TTGS1125	Bùi Thái	Dương	01-01-2000		CV TTGSNH	31/60	23/30	Đạt
81	TTGS1126	Hoàng Tùng	Dương	08-11-1999		CV TTGSNH	31/60	24/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 2 - Ca thi 1 từ 07h00 - 08h30 ngày 25/11/2023							
82	TTGS1127	Nguyễn Duy	Dương	02-11-2001		CV TTGSNH	37/60	25/30	Đạt
83	TTGS1129	Trần Thùy	Dương		20-07-1998	CV TTGSNH	41/60	30/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
84	TTGS1131	Vũ Thuỳ	Dương		16-01-1996	CV TTGSNH	41/60	25/30	Đạt
85	TTGS1132	Đỗ Tất	Duy	10-03-2000		CV TTGSNH	33/60	20/30	Đạt
86	TTGS1134	Phạm Hồng	Duy	25-06-2001		CV TTGSNH	33/60	19/30	Đạt
87	TTGS1135	Trần Tiến	Duy	22-10-1999		CV TTGSNH	39/60	24/30	Đạt
88	TTGS1136	Hoàng Thuỳ	Duyên		22-11-1998	CV TTGSNH	30/60	27/30	Đạt
89	TTGS1137	Lê Mỹ	Duyên		22-06-2001	CV TTGSNH	42/60	26/30	Đạt
90	TTGS1139	Đỗ Hương	Giang		27-03-2000	CV TTGSNH	42/60	28/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 2 - Ca thi 2 từ 08h30 - 10h00 ngày 25/11/2023							
91	TTGS1142	Lê Trần Thu	Giang		08-11-2000	CV TTGSNH	35/60	25/30	Đạt
92	TTGS1143	Nguyễn Hương	Giang		09-08-2001	CV TTGSNH	30/60	21/30	Đạt
93	TTGS1144	Nguyễn Thị Hương	Giang		17-12-2000	CV TTGSNH	43/60	25/30	Đạt
94	TTGS1145	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang		02-12-1991	CV TTGSNH	47/60	27/30	Đạt
95	TTGS1147	Tường Thị	Giang		14-04-1990	CV TTGSNH	46/60	23/30	Đạt
96	TTGS1148	Bùi Thị Thái	Hà		21-09-1986	CV TTGSNH	30/60	15/30	Đạt
97	TTGS1151	Lê Hồng	Hà	23-01-1999		CV TTGSNH	46/60	28/30	Đạt
98	TTGS1154	Nguyễn Thị	Hà		20-06-1994	CV TTGSNH	35/60	27/30	Đạt
99	TTGS1156	Phạm Lê	Hà		26-11-1999	CV TTGSNH	38/60	26/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 2 - Ca thi 3 từ 10h00 - 11h30 ngày 25/11/2023							
100	TTGS1157	Phan Sơn	Hà	26-07-1991		CV TTGSNH	37/60	20/30	Đạt
101	TTGS1158	Trần Thị Hải	Hà		21-11-1999	CV TTGSNH	39/60	21/30	Đạt
102	TTGS1167	Nguyễn Thanh	Hải	07-10-1997		CV TTGSNH	44/60	26/30	Đạt
103	TTGS1168	Nguyễn Văn	Hải	18-11-1991		CV TTGSNH	38/60	22/30	Đạt
104	TTGS1170	Vũ Thị	Hân		15-11-2000	CV TTGSNH	39/60	24/30	Đạt
105	TTGS1171	Bùi Thu	Hằng		11-12-1993	CV TTGSNH	42/60	26/30	Đạt
106	TTGS1172	Chử Thu	Hằng		08-03-1996	CV TTGSNH	39/60	Miễn	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
107	TTGS1173	Đặng Thị Thu	Hằng		17-07-1996	CV TTGSNH	34/60	15/30	Đạt
108	TTGS1174	Đỗ Thuý	Hằng		22-08-2000	CV TTGSNH	39/60	26/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 1 từ 07h00 - 08h30 ngày 25/11/2023							
109	TTGS1175	Lữ Thu	Hằng		18-02-1998	CV TTGSNH	39/60	20/30	Đạt
110	TTGS1176	Nguyễn Thanh	Hằng		18-07-1998	CV TTGSNH	40/60	28/30	Đạt
111	TTGS1177	Nguyễn Thị Thanh	Hằng		23-03-2000	CV TTGSNH	43/60	29/30	Đạt
112	TTGS1178	Nguyễn Thị Thu	Hằng		20-02-1996	CV TTGSNH	42/60	17/30	Đạt
113	TTGS1179	Nguyễn Thu	Hằng		17-12-1990	CV TTGSNH	40/60	17/30	Đạt
114	TTGS1180	Nguyễn Thúy	Hằng		16-12-1991	CV TTGSNH	40/60	26/30	Đạt
115	TTGS1185	Trần Vũ Thúy	Hằng		16-09-1997	CV TTGSNH	45/60	29/30	Đạt
116	TTGS1186	Vũ Thanh	Hằng		06-09-2001	CV TTGSNH	40/60	29/30	Đạt
117	TTGS1187	Đào Hồng	Hạnh		13-06-1998	CV TTGSNH	37/60	25/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 2 từ 08h30 - 10h00 ngày 25/11/2023							
118	TTGS1188	Đào Thị Hồng	Hạnh		15-12-1995	CV TTGSNH	39/60	Miễn	Đạt
119	TTGS1189	Lê Mỹ	Hạnh		17-06-1991	CV TTGSNH	35/60	22/30	Đạt
120	TTGS1190	Mè Thị Hồng	Hạnh		07-09-1995	CV TTGSNH	41/60	26/30	Đạt
121	TTGS1192	Trương Thanh	Hậu		14-07-2001	CV TTGSNH	37/60	23/30	Đạt
122	TTGS1193	Đàm Thu	Hiền		27-11-2001	CV TTGSNH	44/60	15/30	Đạt
123	TTGS1194	Đặng Thị Thu	Hiền		20-10-1996	CV TTGSNH	53/60	22/30	Đạt
124	TTGS1195	Nguyễn Thị Thu	Hiền		15-09-1993	CV TTGSNH	31/60	15/30	Đạt
125	TTGS1196	Nguyễn Thu	Hiền		06-07-2000	CV TTGSNH	32/60	20/30	Đạt
126	TTGS1197	Phạm Thị	Hiền		03-05-1990	CV TTGSNH	45/60	25/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 3 từ 10h00 - 11h30 ngày 25/11/2023							
127	TTGS1200	Trần Thu	Hiền		28-11-1999	CV TTGSNH	38/60	23/30	Đạt
128	TTGS1201	Phù Quốc	Hiệp	22-06-1994		CV TTGSNH	32/60	22/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
129	TTGS1202	Đinh Trọng	Hiếu	27-01-1998		CV TTGSNH	33/60	22/30	Đạt
130	TTGS1203	Nguyễn Quang	Hiếu	01-01-2001		CV TTGSNH	48/60	30/30	Đạt
131	TTGS1204	Trần Minh	Hiếu	07-06-1995		CV TTGSNH	37/60	26/30	Đạt
132	TTGS1206	Lê Thị Hồng	Hoa		10-10-1989	CV TTGSNH	33/60	18/30	Đạt
133	TTGS1208	Nguyễn Thị	Hoa		12-01-1995	CV TTGSNH	36/60	24/30	Đạt
134	TTGS1210	Nguyễn Minh	Hòa		21-09-2001	CV TTGSNH	35/60	29/30	Đạt
135	TTGS1211	Bùi Huy	Hoàng	08-12-2001		CV TTGSNH	32/60	23/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 2 - Ca thi 4 từ 13h00 - 14h30 ngày 25/11/2023							
136	TTGS1214	Nguyễn Hữu	Hoàng	12-06-1998		CV TTGSNH	31/60	20/30	Đạt
137	TTGS1215	Nguyễn Huy	Hoàng	16-08-1992		CV TTGSNH	36/60	19/30	Đạt
138	TTGS1216	Phan Diệu	Hoàng		05-10-2001	CV TTGSNH	36/60	24/30	Đạt
139	TTGS1217	Đào Thị Xuân	Hồng		11-10-2001	CV TTGSNH	30/60	22/30	Đạt
140	TTGS1219	Lưu Thị Bích	Hợp		01-03-1984	CV TTGSNH	44/60	25/30	Đạt
141	TTGS1220	Chu Thị Kim	Huế		03-04-1997	CV TTGSNH	46/60	19/30	Đạt
142	TTGS1221	Lê Thị Thanh	Huệ		20-07-1998	CV TTGSNH	35/60	22/30	Đạt
143	TTGS1222	Lê Thị Thu	Huệ		09-03-1992	CV TTGSNH	31/60	22/30	Đạt
144	TTGS1223	Lương Minh	Huệ		22-02-2001	CV TTGSNH	31/60	15/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 2 - Ca thi 5 từ 14h30 - 16h00 ngày 25/11/2023							
145	TTGS1229	Mạc Quốc	Hùng	11-09-1995		CV TTGSNH	41/60	23/30	Đạt
146	TTGS1233	Bùi Thị	Hương		17-09-1995	CV TTGSNH	49/60	18/30	Đạt
147	TTGS1235	Khúc Thanh	Hương		31-12-1996	CV TTGSNH	41/60	27/30	Đạt
148	TTGS1236	Ngọ Quỳnh	Hương		22-09-1995	CV TTGSNH	39/60	19/30	Đạt
149	TTGS1237	Nguyễn Thị	Hương		12-07-1999	CV TTGSNH	38/60	28/30	Đạt
150	TTGS1239	Nguyễn Trúc	Hương		07-01-1995	CV TTGSNH	37/60	27/30	Đạt
151	TTGS1245	Vương Hoàng Mai	Hương		30-07-1998	CV TTGSNH	33/60	22/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
152	TTGS1248	Nguyễn Thị Thu	Hường		15-05-1992	CV TTGSNH	46/60	25/30	Đạt
153	TTGS1250	Giang Nam	Huy	05-02-2001		CV TTGSNH	36/60	22/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 2 - Ca thi 6 từ 16h00 - 17h30 ngày 24/11/2023							
154	TTGS1251	Hà Văn	Huy	16-11-1999		CV TTGSNH	40/60	20/30	Đạt
155	TTGS1252	Hồ Sỹ	Huy	14-09-2001		CV TTGSNH	39/60	29/30	Đạt
156	TTGS1253	Hoàng Đình	Huy	14-05-2001		CV TTGSNH	42/60	16/30	Đạt
157	TTGS1256	Phạm Thị	Huyên		28-09-1985	CV TTGSNH	42/60	23/30	Đạt
158	TTGS1257	Bùi Thị	Huyền		01-12-1996	CV TTGSNH	44/60	24/30	Đạt
159	TTGS1259	Đỗ Thị	Huyền		10-02-1999	CV TTGSNH	39/60	24/30	Đạt
160	TTGS1260	Hà Thị Thu	Huyền		08-05-1997	CV TTGSNH	37/60	23/30	Đạt
161	TTGS1266	Phạm Thị	Huyền		08-01-1990	CV TTGSNH	43/60	20/30	Đạt
162	TTGS1267	Trần Thị Thu	Huyền		23-05-2001	CV TTGSNH	39/60	29/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 4 từ 13h00 - 14h30 ngày 25/11/2023							
163	TTGS1269	Vương Thảo	Huyền		01-04-2001	CV TTGSNH	43/60	24/30	Đạt
164	TTGS1273	Bùi Quốc	Khánh	27-09-1991		CV TTGSNH	35/60	18/30	Đạt
165	TTGS1274	Dương Ngọc	Khánh	17-04-1999		CV TTGSNH	46/60	28/30	Đạt
166	TTGS1275	Nguyễn Duy	Khánh	08-01-1999		CV TTGSNH	42/60	23/30	Đạt
167	TTGS1276	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh		31-08-1999	CV TTGSNH	43/60	27/30	Đạt
168	TTGS1277	Nguyễn Trường	Khánh	06-06-1997		CV TTGSNH	34/60	23/30	Đạt
169	TTGS1278	Lưu Ngọc	Kiên	22-10-1998		CV TTGSNH	43/60	22/30	Đạt
170	TTGS1279	Nguyễn Đức	Kiên	29-08-1999		CV TTGSNH	36/60	Miễn	Đạt
171	TTGS1280	Nguyễn Trung	Kiên	15-06-2001		CV TTGSNH	30/60	27/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 5 từ 14h30 - 16h00 ngày 25/11/2023							
172	TTGS1282	Trần Mạnh	Kiên	21-06-2001		CV TTGSNH	35/60	25/30	Đạt
173	TTGS1284	Chu Ngọc	Lam		11-03-2001	CV TTGSNH	51/60	28/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
174	TTGS1285	Hoàng Thị Thanh	Lam		09-01-1995	CV TTGSNH	40/60	25/30	Đạt
175	TTGS1288	Nguyễn Bá Phan	Lâm	07-11-2000		CV TTGSNH	40/60	24/30	Đạt
176	TTGS1290	Phạm Quang	Lâm	01-02-2000		CV TTGSNH	46/60	30/30	Đạt
177	TTGS1291	Lý Văn	Lanh	05-10-1984		CV TTGSNH	44/60	24/30	Đạt
178	TTGS1292	Nguyễn Thị Hồng	Lanh		02-09-1994	CV TTGSNH	40/60	Miễn	Đạt
179	TTGS1293	Trịnh Thị	Lệ		21-10-1993	CV TTGSNH	35/60	21/30	Đạt
180	TTGS1297	Bùi Thị Mai	Linh		04-06-1991	CV TTGSNH	48/60	25/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 3 - Ca thi 6 từ 16h00 - 17h30 ngày 24/11/2023							
181	TTGS1299	Đặng Ngọc	Linh		04-01-2000	CV TTGSNH	42/60	27/30	Đạt
182	TTGS1302	Đặng Thị Thùy	Linh		18-09-2001	CV TTGSNH	30/60	26/30	Đạt
183	TTGS1303	Đặng Thuỳ	Linh		15-08-1997	CV TTGSNH	40/60	27/30	Đạt
184	TTGS1304	Đặng Thùy	Linh		24-04-2000	CV TTGSNH	43/60	25/30	Đạt
185	TTGS1306	Đào Thị Khánh	Linh		22-12-1997	CV TTGSNH	45/60	27/30	Đạt
186	TTGS1307	Đoàn Thị Ánh	Linh		22-12-1999	CV TTGSNH	40/60	26/30	Đạt
187	TTGS1308	Hoàng Khánh	Linh		22-07-1999	CV TTGSNH	40/60	28/30	Đạt
188	TTGS1309	Hoàng Ngọc	Linh		09-01-1998	CV TTGSNH	38/60	18/30	Đạt
189	TTGS1310	Hoàng Thị Ngọc	Linh		21-08-2001	CV TTGSNH	40/60	26/30	Đạt
		Bàn phỏng vấn 1 - Ca thi 1 từ 07h00 - 08h30 ngày 26/11/2023							
190	TTGS1312	Lưu Thùy	Linh		13-09-2001	CV TTGSNH	39/60	23/30	Đạt
191	TTGS1314	Ngô Thị Ngọc	Linh		20-04-1995	CV TTGSNH	39/60	Miễn	Đạt
192	TTGS1315	Ngô Thị Phương	Linh		02-09-2000	CV TTGSNH	33/60	26/30	Đạt
193	TTGS1318	Nguyễn Khánh	Linh		16-10-1996	CV TTGSNH	41/60	17/30	Đạt
194	TTGS1319	Nguyễn Khánh	Linh		23-11-2000	CV TTGSNH	44/60	24/30	Đạt
195	TTGS1320	Nguyễn Mai	Linh		12-05-2001	CV TTGSNH	37/60	24/30	Đạt
196	TTGS1321	Nguyễn Phương	Linh		20-12-2001	CV TTGSNH	41/60	27/30	Đạt

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
197	TTGS1323	Nguyễn Thanh Vũ	Linh	22-10-2001		CV TTGSNH	43/60	28/30	Đạt
198	TTGS1324	Nguyễn Thảo	Linh		13-01-1998	CV TTGSNH	33/60	25/30	Đạt
199	TTGS1325	Nguyễn Thị	Linh		08-01-2001	CV TTGSNH	35/60	18/30	Đạt
200	TTGS1329	Phạm Nguyễn Diệu	Linh		28-11-2000	CV TTGSNH	39/60	28/30	Đạt
201	TTGS1331	Phạm Thị Thuỳ	Linh		02-04-2000	CV TTGSNH	42/60	25/30	Đạt
		Thí sinh không đủ điều kiện dự thi Vòng 2							
202	TTGS1004	Bùi Phương	Anh		22-11-1999	CV TTGSNH	28/60	24/30	
203	TTGS1021	Lê Quỳnh	Anh		01-08-2000	CV TTGSNH	26/60	26/30	
204	TTGS1026	Nguyễn Hải	Anh		09-06-2001	CV TTGSNH	23/60	24/30	
205	TTGS1037	Nguyễn Thị Minh	Anh		24-03-2000	CV TTGSNH	27/60		
206	TTGS1041	Nguyễn Thị Trâm	Anh		10-09-1993	CV TTGSNH	23/60		
207	TTGS1043	Nguyễn Thị Vân	Anh		16-02-1995	CV TTGSNH	28/60	18/30	
208	TTGS1047	Phạm Thị Ngọc	Anh		07-12-2000	CV TTGSNH	19/60		
209	TTGS1065	Phạm Ngọc	Ánh		24-11-1996	CV TTGSNH	26/60	27/30	
210	TTGS1081	Vũ Thị Linh	Chi		23-07-1999	CV TTGSNH	25/60		
211	TTGS1082	Nguyễn Duy	Chiến	08-05-2000		CV TTGSNH	29/60		
212	TTGS1087	Nguyễn Huy	Chung	02-01-2001		CV TTGSNH	28/60	19/30	
213	TTGS1108	Đỗ Trung	Đức	18-09-2001		CV TTGSNH	26/60	17/30	
214	TTGS1115	Nguyễn Thị Mỹ	Dung		16-11-2001	CV TTGSNH	20/60	24/30	
215	TTGS1119	Trịnh Thuỳ	Dung		17-10-2000	CV TTGSNH	26/60	28/30	
216	TTGS1152	Ngô Thị Thu	Hà		27-06-1996	CV TTGSNH	28/60		
217	TTGS1153	Nguyễn Diệu	Hà		02-12-1999	CV TTGSNH	24/60	18/30	
218	TTGS1155	Nguyễn Thị Hoàng	Hà		11-01-1999	CV TTGSNH	27/60	26/30	
219	TTGS1160	Trần Thị Thu	Hà		19-10-2000	CV TTGSNH	34/60	13/30	
220	TTGS1163	Vũ Thị Mai	Hà		27-12-2001	CV TTGSNH	29/60	27/30	

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
221	TTGS1164	Nguyễn Đức	Hải	13-08-2000		CV TTGSNH	29/60		
222	TTGS1166	Nguyễn Phi	Hải	31-08-2001		CV TTGSNH	26/60	24/30	
223	TTGS1169	Trần Thanh	Hải		30-04-1991	CV TTGSNH	28/60		
224	TTGS1198	Phạm Thị Phương	Hiền		17-01-1999	CV TTGSNH	28/60	17/30	
225	TTGS1199	Tôn Thanh	Hiền		05-09-1991	CV TTGSNH	29/60	23/30	
226	TTGS1209	Nguyễn Thị	Hoa		29-08-1996	CV TTGSNH	29/60	27/30	
227	TTGS1212	Đỗ Minh	Hoàng	23-12-2001		CV TTGSNH	29/60	24/30	
228	TTGS1231	Nguyễn Khắc	Hưng	16-12-1996		CV TTGSNH	33/60	11/30	
229	TTGS1241	Phạm Thị Thu	Hương		06-03-2001	CV TTGSNH	27/60	25/30	
230	TTGS1242	Tô Thị Lan	Hương		31-10-1996	CV TTGSNH	28/60	21/30	
231	TTGS1247	Nguyễn Thị Bích	Hường		20-01-2001	CV TTGSNH	29/60	25/30	
232	TTGS1254	Hoàng Trọng	Huy	24-12-2001		CV TTGSNH	26/60	20/30	
233	TTGS1255	Lê Bảo	Huy	08-07-2000		CV TTGSNH	21/60	17/30	
234	TTGS1258	Bùi Thị Thu	Huyền		21-06-2000	CV TTGSNH	36/60	13/30	
235	TTGS1272	Lâm Bảo	Khanh	11-09-1999		CV TTGSNH	28/60		
236	TTGS1286	Trịnh Thị Thu	Lam		26-11-1986	CV TTGSNH	27/60		
237	TTGS1289	Nguyễn Như Bá	Lâm	12-10-1998		CV TTGSNH	26/60	17/30	
238	TTGS1296	Bùi Phạm Thuỳ	Linh		03-01-2000	CV TTGSNH	27/60	18/30	
239	TTGS1298	Bùi Thùy	Linh		08-05-1994	CV TTGSNH	45/60	14/30	
240	TTGS1301	Đặng Thị Thuỳ	Linh		11-12-1996	CV TTGSNH	20/60	21/30	
241	TTGS1313	Ma Thị	Linh		19-05-1994	CV TTGSNH	26/60	8/30	
242	TTGS1317	Nguyễn Khánh	Linh		28-11-2001	CV TTGSNH	29/60	28/30	
243	TTGS1002	Bùi Hoàng	Anh		04-09-1994	CV TTGSNH			Vắng
244	TTGS1005	Cù Thị Quỳnh	Anh		17-06-2000	CV TTGSNH			Vắng
245	TTGS1009	Đỗ Quỳnh	Anh		08-06-2001	CV TTGSNH			Vắng

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
246	TTGS1010	Đoàn Phạm Phương	Anh		23-12-2000	CV TTGSNH			Vắng
247	TTGS1012	Giáp Nguyễn Tú	Anh	28-03-2001		CV TTGSNH			Vắng
248	TTGS1013	Hà Thị Việt	Anh		05-04-2000	CV TTGSNH			Vắng
249	TTGS1018	Lê Phương	Anh		01-09-2000	CV TTGSNH			Vắng
250	TTGS1030	Nguyễn Huệ	Anh		27-10-1999	CV TTGSNH			Vắng
251	TTGS1034	Nguyễn Thị Lan	Anh		28-10-1991	CV TTGSNH			Vắng
252	TTGS1039	Nguyễn Thị Thục	Anh		01-09-2001	CV TTGSNH			Vắng
253	TTGS1040	Nguyễn Thị Thùy	Anh		15-09-1998	CV TTGSNH			Vắng
254	TTGS1049	Phạm Việt	Anh	19-09-1999		CV TTGSNH			Vắng
255	TTGS1052	Thái Vũ Ngọc	Anh		15-06-1982	CV TTGSNH			Vắng
256	TTGS1060	Vũ Tiến	Anh	13-05-1998		CV TTGSNH			Vắng
257	TTGS1061	Chu Minh	Ánh		20-08-2001	CV TTGSNH			Vắng
258	TTGS1062	Chu Thị Quỳnh	Ánh		12-07-1998	CV TTGSNH			Vắng
259	TTGS1067	Đỗ Ngọc	Bích		11-08-1996	CV TTGSNH			Vắng
260	TTGS1069	Trần Ngọc	Bích		17-07-1999	CV TTGSNH			Vắng
261	TTGS1071	Vũ Thanh	Bình		05-05-1999	CV TTGSNH			Vắng
262	TTGS1075	Lê Thị Kim	Chi		07-03-1995	CV TTGSNH			Vắng
263	TTGS1076	Nguyễn Hoàng Linh	Chi		10-01-1997	CV TTGSNH			Vắng
264	TTGS1079	Trần Thị Lan	Chi		01-11-1995	CV TTGSNH			Vắng
265	TTGS1086	Nguyễn Văn	Chúc	22-07-1985		CV TTGSNH			Vắng
266	TTGS1089	Trần Hữu	Cường	21-01-1999		CV TTGSNH			Vắng
267	TTGS1091	Trần Quang	Đại	26-03-1995		CV TTGSNH			Vắng
268	TTGS1099	Nghiêm Minh	Diệp		24-10-1999	CV TTGSNH			Vắng
269	TTGS1107	Đinh Minh	Đức	16-04-2001		CV TTGSNH			Vắng
270	TTGS1111	Nguyễn Đình	Đức	04-03-1997		CV TTGSNH			Vắng

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
271	TTGS1113	Đoàn Thanh	Dung		21-02-2001	CV TTGSNH			Vắng
272	TTGS1114	Nguyễn Thị Kim	Dung		14-09-1991	CV TTGSNH			Vắng
273	TTGS1120	Đỗ Anh	Dũng	25-03-1996		CV TTGSNH			Vắng
274	TTGS1122	Nguyễn Việt	Dũng	09-08-1990		CV TTGSNH			Vắng
275	TTGS1128	Phạm Tuấn	Dương	06-12-1996		CV TTGSNH			Vắng
276	TTGS1130	Trần Thùy	Dương		18-01-2001	CV TTGSNH			Vắng
277	TTGS1133	Nguyễn Khánh	Duy	26-12-2001		CV TTGSNH			Vắng
278	TTGS1138	Thân Thị	Duyên		20-09-1990	CV TTGSNH			Vắng
279	TTGS1140	Đoàn Hương	Giang		12-10-1998	CV TTGSNH			Vắng
280	TTGS1141	Lê Hoàng	Giang	01-08-1992		CV TTGSNH			Vắng
281	TTGS1146	Trần Thu	Giang		27-02-1995	CV TTGSNH			Vắng
282	TTGS1149	Đặng Ngọc	Hà		29-11-1998	CV TTGSNH			Vắng
283	TTGS1150	Hoàng Nguyễn Việt	Hà		23-08-2001	CV TTGSNH			Vắng
284	TTGS1159	Trần Thị Thu	Hà		14-10-1998	CV TTGSNH			Vắng
285	TTGS1161	Trịnh Văn	Hà	19-05-1993		CV TTGSNH			Vắng
286	TTGS1162	Vũ Thị	Hà		08-03-1991	CV TTGSNH			Vắng
287	TTGS1165	Nguyễn Ngọc	Hải		22-04-1994	CV TTGSNH			Vắng
288	TTGS1181	Phạm Thị Thu	Hằng		24-05-1995	CV TTGSNH			Vắng
289	TTGS1182	Trần Thị	Hằng		05-11-1998	CV TTGSNH			Vắng
290	TTGS1183	Trần Thị Thúy	Hằng		11-08-1994	CV TTGSNH			Vắng
291	TTGS1184	Trần Thu	Hằng		12-08-1986	CV TTGSNH			Vắng
292	TTGS1191	Trương Mỹ	Hạnh		18-03-1989	CV TTGSNH			Vắng
293	TTGS1205	Trần Thanh	Hiếu	09-10-1998		CV TTGSNH			Vắng
294	TTGS1207	Nguyễn Ngọc Lan	Hoa		10-09-1999	CV TTGSNH			Vắng
295	TTGS1213	Mai Huy	Hoàng	03-07-2001		CV TTGSNH			Vắng

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
296	TTGS1218	Nguyễn Thị Nguyên	Hồng		10-03-1997	CV TTGSNH			Vắng
297	TTGS1224	Phạm Thị	Huệ		29-06-1993	CV TTGSNH			Vắng
298	TTGS1225	Trần Minh	Huệ		09-12-1993	CV TTGSNH			Vắng
299	TTGS1226	Bùi Mạnh	Hùng	04-10-2000		CV TTGSNH			Vắng
300	TTGS1227	Đặng Trần Minh	Hùng	07-03-1988		CV TTGSNH			Vắng
301	TTGS1228	Đào Xuân	Hùng	17-01-2001		CV TTGSNH			Vắng
302	TTGS1230	Trần Nguyên	Hùng	14-07-1995		CV TTGSNH			Vắng
303	TTGS1232	Trần Khải	Hưng	27-04-1984		CV TTGSNH			Vắng
304	TTGS1234	Hà Thị Mai	Hương		18-08-1998	CV TTGSNH			Vắng
305	TTGS1238	Nguyễn Thị	Hương		15-02-1993	CV TTGSNH			Vắng
306	TTGS1240	Phạm Ngọc Lan	Hương		18-04-1999	CV TTGSNH			Vắng
307	TTGS1244	Vũ Lan	Hương		14-01-2000	CV TTGSNH			Vắng
308	TTGS1246	Nguyễn Thị	Hường		11-11-1991	CV TTGSNH			Vắng
309	TTGS1249	Phạm Thị	Hường		27-04-1994	CV TTGSNH			Vắng
310	TTGS1261	Ngô Thị Thu	Huyền		20-04-1997	CV TTGSNH			Vắng
311	TTGS1262	Nguyễn Thanh	Huyền		01-01-1992	CV TTGSNH			Vắng
312	TTGS1263	Nguyễn Thị	Huyền		21-11-1999	CV TTGSNH			Vắng
313	TTGS1264	Nguyễn Thị Thu	Huyền		27-11-1996	CV TTGSNH			Vắng
314	TTGS1265	Nguyễn Thị Thu	Huyền		09-11-1994	CV TTGSNH			Vắng
315	TTGS1268	Trịnh Khánh	Huyền		12-12-2000	CV TTGSNH			Vắng
316	TTGS1270	Thang Thị	Kết		28-09-1992	CV TTGSNH			Vắng
317	TTGS1271	Linh Đức	Khải	29-10-1998		CV TTGSNH			Vắng
318	TTGS1281	Phan Trung	Kiên	13-12-1997		CV TTGSNH			Vắng
319	TTGS1283	Lê Tuấn	Kiệt	25-11-1999		CV TTGSNH			Vắng
320	TTGS1287	Đặng Tùng	Lâm	19-10-1995		CV TTGSNH			Vắng

STT	SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh		Vị trí dự tuyển	Số câu trả lời đúng		Kết quả
				Nam	Nữ		Kiến thức chung	Tiếng Anh	
321	TTGS1294	Lường Thị	Liêm		06-04-2000	CV TTGSNH			Vắng
322	TTGS1295	Bùi Khánh	Linh		17-10-2001	CV TTGSNH			Vắng
323	TTGS1300	Đặng Ngọc Mai	Linh		26-11-2000	CV TTGSNH			Vắng
324	TTGS1305	Đặng Việt	Linh	20-04-2000		CV TTGSNH			Vắng
325	TTGS1311	Lê Khánh	Linh		18-11-2000	CV TTGSNH			Vắng
326	TTGS1316	Nguyễn Hạnh	Linh		13-11-1995	CV TTGSNH			Vắng
327	TTGS1322	Nguyễn Phương	Linh		06-11-1999	CV TTGSNH			Vắng
328	TTGS1326	Nguyễn Thị Thảo	Linh		15-02-2001	CV TTGSNH			Vắng
329	TTGS1327	Nguyễn Thị Thùy	Linh		06-10-2001	CV TTGSNH			Vắng
330	TTGS1328	Nguyễn Tùng	Linh		29-07-1989	CV TTGSNH			Vắng
331	TTGS1330	Phạm Thị Khánh	Linh		24-03-1996	CV TTGSNH			Vắng
332	TTGS1332	Phan Mỹ	Linh		07-12-1996	CV TTGSNH			Vắng